

Số: 114 /QĐ- MNDH

Hùng Hải, ngày 30 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý 2 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ luật số: 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội về luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của kế toán Trường Mầm non Diễn Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 2 năm 2025 của Trường Mầm non Diễn Hải.

(Có biểu số: 03 ban hành kèm theo TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 và phụ lục 3.1 kèm theo)

Hình thức công khai: Công khai trên bảng tin công khai của nhà trường, trên Website Trường MN Diễn Hải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan căn cứ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu: VT



Hoàng Thị Hà

Hùng Hải, ngày 30 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý 2 năm 2025

Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Địa điểm: Tại văn phòng trường MN Diễn Hải

Thành phần:

1. Bà: Hoàng Thị Hà	Hiệu Trưởng
2. Bà: Phạm Thị Liên	Phó hiệu trưởng
3. Bà: Ngô Thị Lan	Phó hiệu trưởng
4. Bà: Đậu Thị Châu	Chủ tịch công đoàn- TTCM
5. Bà: Lê Thị Tuyết	Kế toán
6. Bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng ban TTND
7. Bà: Bùi Thị Tươi	Y tế - thủ quỹ
8. Bà: Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên – Thư ký

Nội dung: Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 2 năm 2025 của Trường MN Diễn Hải cụ thể như sau:

(Có biểu số: 03 ban hành kèm theo TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 và phụ lục 3.1 kèm theo)

- **Thời gian niêm yết:**

Từ ngày 30 tháng 06 năm 2025 đến ngày 30 tháng 07 năm 2025.

- **Hình thức công khai:**

Công khai tại bảng tin của trường MN Diễn Hải, trên website Trường MN Diễn Hải.

- **Ý kiến phản ánh:**

Mọi ý kiến phản ánh, thắc mắc xin gửi về văn phòng Trường Mầm Non Diễn Hải, nhóm ZALO hội đồng trường MN Diễn Hải hoặc trực tiếp qua số điện thoại: 0352224820 Cô: Hoàng Thị Hà – Hiệu trưởng nhà trường.

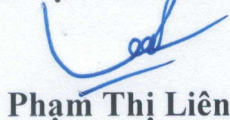
Biên bản kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Nhân

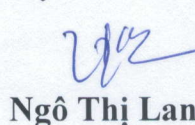
P.HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Liên

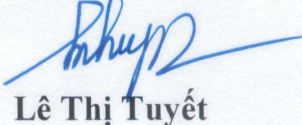
CÁC THÀNH VIÊN

P.HIỆU TRƯỞNG



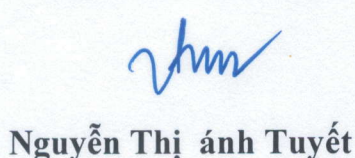
Ngô Thị Lan

KẾ TOÁN



Lê Thị Tuyết

THANH TRA ND



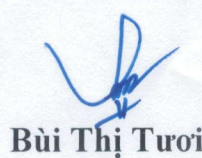
Nguyễn Thị ánh Tuyết

TTCM - CTCĐ

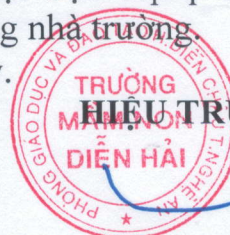


Đậu Thị Châu

Y TẾ - THỦ QUỸ



Bùi Thị Tươi



Đơn vị: Trường Mầm Non Diễn Hải
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 2- NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường Mầm non Diễn Hải công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 2 năm 2025 như

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN quý 2 năm 2025	Thực hiện quý 2 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi tại đơn vị				
I	Số thu tại đơn vị	348 805 393	348 805 393	100%	
1	Số thu học phí công lập	219 077 393	219 077 393	100%	
2	Số thu tiền học tiếng anh, erobich	129 728 000	129 728 000	100%	
II	Chi tại đơn vị	227 740 000	227 740 000	100%	
1	Chi sự nghiệp	227 740 000	227 740 000	100%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	227 740 000	227 740 000	100%	
a	Chi học phí công lập	98 012 000	98 012 000	100%	
b	Chi tiền học tiếng anh, erobich	129 728 000	129 728 000	100%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số dư tại đơn vị				
1	Số dư học phí công lập	121 065 393	121 065 393	45%	
2	Số dư tiền học tiếng anh, erobich				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5 642 045 435	1 760 968 100	31%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5 642 045 435	1 760 968 100	31%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5 642 045 435	1 760 968 100	31%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5 642 045 435	1 760 968 100	31%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Số dư nguồn NSNN	3 881 077 335	3 881 077 335		

Hùng Hải, ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tuyết



HIỆU TRƯỞNG

**MẦM NON
DIỄN HẢI**

Hoàng Thị Hà

BÁO CÁO CHI TIẾT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ 2 NĂM 2025

ĐVT: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán			
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Tiếng anh -Erobich TC
A	Quyết toán thu	5 990 850 828	5 642 045 435	219 077 393	129 728 000
I	Phân thu	5 990 850 828	5 642 045 435	219 077 393	129 728 000
II	Số thu nộp NS				
III	Số được để lại chi theo CĐ				
Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán			
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Tiếng anh -Erobich TC
B	Các khoản chi				
6000	Tiền lương	862 513 000	817 513 000	45 000 000	
6001	Lương theo ngạch, bậc	862 513 000	817 513 000	45 000 000	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ	7 500 000		7 500 000	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ	7 500 000		7 500 000	
6100	Phụ cấp lương	468 489 000	468 489 000		
6101	Phụ cấp chức vụ	13 338 000	13 338 000		
6112	Phụ cấppuru đãi nghề	299 456 000	299 456 000		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	8 424 000	8 424 000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	147 271 000	147 271 000		
6149	Phụ cấp khác				
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	16 860 000	16 860 000		
6151	Học bổng, học sinh, sinh viên học trong nước.	9 360 000	9 360 000		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	7 500 000	7 500 000		
6199	Các khoản hỗ trợ khác				
6200	Tiền thưởng	45 572 000	45 572 000		
6201	Thưởng thường xuyên	45 572 000	45 572 000		
6300	Các khoản đóng góp	233 761 000	233 761 000		

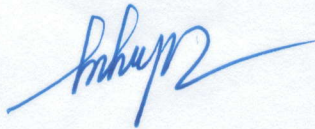


6301	Bảo hiểm xã hội	179 047 000	179 047 000		
6302	Bảo hiểm y tế	30 694 000	30 694 000		
6303	Kinh phí công đoàn	13 789 000	13 789 000		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	10 231 000	10 231 000		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	18 400 000	18 400 000		
6401	Tiền ăn	18 400 000	18 400 000		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	12 151 000	12 151 000		
6501	Tiền điện	12 151 000	12 151 000		
6550	Vật tư văn phòng	9 592 000	9 592 000		
6551	Văn phòng phẩm				
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
6599	Vật tư văn phòng khác	9 592 000	9 592 000		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	994 100	994 100		
6608	Sách báo	994 100	994 100		
6700	Công tác phí	2 400 000	2 400 000		
6704	Khoản công tác phí	2 400 000	2 400 000		
6750	Chi phí thuê mướn				
6757	Thuê lao động trong nước				
6799	Chi phí thuê mướn khác				
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	26 443 000	11 180 000	10 505 000	4 758 000
6907	Nhà cửa				
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	14 685 000	4 180 000	10 505 000	
6921	Đường điện, cấp thoát nước				
6949	Các tài sản công trình khác	11 758 000	7 000 000		4 758 000
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14 072 000		14 072 000	
6956	Tài sản và thiết bị CNTT				
6999	Tài sản thiết bị khác	14 072 000		14 072 000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	38 491 000	20 056 000	18 435 000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	35 851 000	20 056 000	15 795 000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động				
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành				
7049	Chi khác	2 640 000		2 640 000	
7750	Chi khác	231 470 000	104 000 000	2 500 000	124 970 000

7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các DN.				
7761	Chi tiếp khách				
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	106 500 000	104 000 000	2 500 000	
7799	Chi các khoản khác	124 970 000			124 970 000
7950	Trích lập quỹ				
7951	Quỹ bổ sung thu nhập				
7952	Quỹ phúc lợi				
7953	Quỹ khen thưởng				
7954	Quỹ phát triển sự nghiệp				
	Tổng cộng quyết toán chi	1 988 708 100	1 760 968 100	98 012 000	129 728 000

Hùng Hải, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KÊ TOÁN



Lê Thị Tuyết

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà

